

Minh Châu, ngày 02 tháng 07 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công bố thực hiện dự toán thu chi ngân sách

Quý II và 6 tháng đầu năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017-BTC ngày 15/ 6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Trường mầm non Diễn Hạnh thông báo niêm yết:

Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý II và 6 tháng đầu năm 2025(số liệu có mẫu biểu kèm theo)

1. Hình thức, địa điểm và thời gian niêm yết công khai.

1.1.Hình thức, địa điểm:

- Trang Webs
- Thông báo trước hội đồng nhà trường;
- Niêm yết tại bảng công khai của nhà trường

1.2.Thời gian:

Thời gian niêm yết từ 7h30 ngày 02/07/2025 đến 7h 30p ngày 01/08/2025

2. Yêu cầu: Mọi cán bộ giáo viên nhân viên, phụ huynh và nhân dân xem bảng niêm yết về các nội dung công khai nếu có điều gì thắc mắc sẽ phản ánh về tổ công khai.

Nơi nhận:

- BÐDCMHS;
- Các tổ CM;
- Lưu: VP.



Biểu số 3

Đơn vị: Trường MN Diễn Hạnh

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Minh Châu, ngày 02 tháng 7 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường MN Diễn Hạnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý II năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý II năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7 344 738 000	1 868 307 236	25,44	
3.1.1	KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	6 854 448 000	1 773 985 236	25,88	
	13 - KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm		1 773 985 236		
	Tiền lương		885.616.269		
	Lương theo ngạch, bậc		885.616.269		
	Phụ cấp lương		507.678.736		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Phụ cấp ưu đãi nghề		619.411.691		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		2.808.000		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		357.518.768		
	Các khoản đóng góp		507.088.768		
	Bảo hiểm xã hội		383.675.620		
	Bảo hiểm y tế		65.772.963		
	Kinh phí công đoàn		36.651.021		
	Bảo hiểm thất nghiệp		20.989.164		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		26.548.408		
	Tiền điện		10.868.408		
	Tiền vệ sinh, môi trường		15.680.000		
	Vật tư văn phòng		9.826.000		
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		7.350.000		
	Vật tư văn phòng khác		2.476.000		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		11.620.000		
	Khác		1.980.000		
	Công tác phí		9.640.000		
	Khoản công tác phí		6.000.000		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		6.000.000		
	Nhà cửa		86.590.500		
	Các thiết bị công nghệ thông tin		21.900.500		
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		14.890.000		
	Các thiết bị công nghệ thông tin		49.800.000		
	Tài sản và thiết bị khác		26.980.000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		14.990.000		
	Chi mua hàng hóa, vật tư		11.990.000		
	Chi khác		32.798.000		
	Chi tiếp khách		32.798.000		
	Chi khác		16.250.000		
	Chi tiếp khách		16.250.000		
3.2.1	12-Kinh phí không thường xuyên không tự chủ	134 792 000	94 322 000	69,98	
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		750.000		
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		750.000		
	Tiền thưởng		41.372.000		
	Thưởng thường xuyên		41.372.000		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý II năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3.1.3	18-Kinh phí không thường xuyên không tự chủ	355 498 000		0,00	

Minh Châu, ngày 02 tháng 7 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Sáu



Minh Châu, ngày 02 tháng 7 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường MN Diễn Hạnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

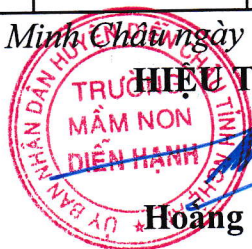
ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7 344 738 000	3 582 675 474	48,78	
3.1.1	KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	6 854 448 000	3 488 353 474	50,89	
	13 - KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm		3.488.353.474		
	Tiền lương		1.758.237.339		
	Lương theo ngạch, bậc		1.758.237.339		
	Phụ cấp lương		1.006.414.459		
	Phụ cấp chức vụ		26.676.000		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Phụ cấp ưu đãi nghề		619.411.691		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		2.808.000		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		357.518.768		
	Các khoản đóng góp		507.088.768		
	Bảo hiểm xã hội		383.675.620		
	Bảo hiểm y tế		65.772.963		
	Kinh phí công đoàn		36.651.021		
	Bảo hiểm thất nghiệp		20.989.164		
	Thanh toán dịch vụ công cộng		26.548.408		
	Tiền điện		10.868.408		
	Tiền vệ sinh, môi trường		15.680.000		
	Vật tư văn phòng		9.826.000		
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		7.350.000		
	Vật tư văn phòng khác		2.476.000		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		11.620.000		
	Khác		1.980.000		
	Công tác phí		9.640.000		
	Khoản công tác phí		6.000.000		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		6.000.000		
	Nhà cửa		86.590.500		
	Các thiết bị công nghệ thông tin		21.900.500		
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		14.890.000		
	Các thiết bị công nghệ thông tin		49.800.000		
	Tài sản và thiết bị khác		26.980.000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		14.990.000		
	Chi mua hàng hóa, vật tư		11.990.000		
	Chi khác		32.798.000		
	Chi tiếp khách		32.798.000		
	Chi khác		16.250.000		
	Chi tiếp khách		16.250.000		
3.2.1	12-Kinh phí không thường xuyên không tự chủ	134 792 000	94 322 000	69,98	
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		750.000		
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		750.000		
	Tiền thưởng		41.372.000		
	Thưởng thường xuyên		41.372.000		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		3.200.000		
	Tiền ăn		3.200.000		
	Chi khác		49.000.000		
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ		49.000.000		
3.2.2	18-Kinh phí không thường xuyên không tự chủ	355 498 000		0,00	

Minh Châu ngày 02 tháng 7 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Sáu

